

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Kè khu dân cư
và đất sản xuất, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Tiếp theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2016 từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2015, tỉnh Điện Biên;

Xét Tờ trình số 1258/TTr-UBND ngày 23/5/2016 của UBND huyện Điện Biên; Tờ trình số 874/TTr-SNN ngày 26/5/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Kè khu dân cư và đất sản xuất, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Kè khu dân cư và đất sản xuất, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên.

2. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Điện Biên.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và chuyên giao công nghệ; Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư Nguyễn Văn Thanh.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng

- Ổn định dòng chảy, bảo vệ khu trung tâm hành chính xã và dân cư sinh sống gần bờ suối, trung tâm xã Mường Phăng;

- Bảo vệ 50 ha đất sản xuất dọc hai bên bờ suối Nậm Phăng;

- Bảo vệ và đảm bảo an toàn một số công trình hạ tầng dọc tuyến kè: Cầu giao thông thuộc tuyến QL279B và một đường ngầm tràn đi vào bản Che Cấn;

- Tạo cảnh quan môi trường, chống sạt lở hai bên bờ suối Nậm Phăng.

5. Nội dung và quy mô đầu tư

5.1. *Nội dung và quy mô đầu tư:* Tổng chiều dài tuyến kè $L=2.682,59\text{m}$ bao gồm cả công trình trên tuyến, trong đó:

+ Kè bờ phải: Chiều dài $L= 1.347,7\text{m}$; trên tuyến kè bờ phải có một cống tiêu tại cọc C53 và 04 bậc lên xuống khoảng cách 300m bố trí 1 bậc.

+ Kè bờ trái: Chiều dài $L=1.334,89\text{m}$; trên tuyến kè bờ trái có 4 cống tiêu tại các vị trí C7T, C12T, C23T, C38T và 04 bậc lên xuống, khoảng cách 300m bố trí 1 bậc.

5.2. *Kết cấu:* Tuyến kè xây dựng theo hình thức tường đứng kết cấu BTCT M200, bố trí chân khay gia cố tại bản đáy kè rộng 0,3m, sâu 1,2m, lớp lót đáy móng bằng BT M100 dày 5cm, lưng tường bố trí thoát nước bằng ống PVC $d=70\text{mm}$ có bố trí tầng lọc ngược bằng cát lọc + dăm lọc; tường kè được chia thành các đơn nguyên, mỗi đơn nguyên dài 11,8m; tại các vị trí xung yếu được gia cố đáy móng bằng cọc tre với mật độ cọc $20 \text{ cọc}/\text{m}^2$; đường kính cọc $d = 7-8\text{cm}$, chiều dài kè phải gia cố đáy móng bằng cọc tre $L=1.801,37\text{m}$, có 3 loại tường kè:

a) *Tường kè loại 1:* Chiều dài 1.952,55m (bờ trái 964,6m, bờ phải 987,95m). Chiều cao bản mặt tường $H_{t1} = 2\text{m}$, chiều rộng đỉnh bản mặt tường $\delta_{\text{đỉnh}} = 0,3\text{m}$, chiều rộng bản đáy kè $B_{m1} = 2,1\text{m}$ kể cả chân khay;

b) *Tường kè loại 2:* Chiều dài 458,64m (bờ trái 228,69m, bờ phải 229,95m). Chiều cao bản mặt tường $H_{t1} = 2,5\text{m}$, chiều rộng đỉnh bản mặt tường $\delta_{\text{đỉnh}} = 0,3\text{m}$, chiều rộng bản đáy kè $B_{m1} = 2,5\text{m}$ kể cả chân khay;

c) *Tường kè loại 3:* Chiều dài 271,4m (bờ trái 141,6m, bờ phải 129,8m). Chiều cao bản mặt tường $H_{t1} = 3\text{m}$, chiều rộng đỉnh bản mặt tường $\delta_{\text{đỉnh}} = 0,3\text{m}$, chiều rộng bản đáy kè $B_{m1} = 2,8\text{m}$ kể cả chân khay;

6. Phân chia giai đoạn đầu tư

6.1. *Giai đoạn 1:* Đầu tư xây dựng 1.789,38 m, trong đó: bờ trái 892,39m (từ K0+14,46m đến C36T+9), bờ phải 896,99 m (từ K0 đến C36P+4,56m).

6.2. *Giai đoạn 2:* Đầu tư xây dựng 893,21m, trong đó: bờ trái 442,5m (từ C36T+9m đến CTT), bờ phải 450,71m (từ C36P+4,56m đến CTP).

7. *Địa điểm xây dựng:* Xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

8. *Diện tích sử dụng đất:* 6.100m^2

9. *Loại, cấp công trình:* Công trình Nông nghiệp và PTNT, nhóm C, cấp IV.

10. *Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:* Chủ đầu tư tổ chức giải phóng mặt bằng.

11. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- QCVN 04-01:2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia thành phần, nội dung lập báo cáo đầu tư, lập dự án đầu tư và báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thủy lợi;

- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- TCVN 9152-2012: Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;
- TCVN 8419-2010: Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ;
- Quy phạm thành phần, khối lượng khảo sát, tính toán thủy văn công trình cho quy hoạch và các giai đoạn thiết kế 14TCN4-85 và QP.TLA-1.76;
- Quy phạm tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế 14TCN10-85; QPTL.C6-77.
- TCVN 4253-2012: Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4253-86;
- TCVN 8420-2010: Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;
- Quy phạm thiết kế kết cấu bê tông và BTCT thủy công QPTLC2-75;
- Tiêu chuẩn XDVN 356:2005 "Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế" của Bộ Xây dựng;
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4116-85;
- HD.TL C4-76: Hướng dẫn thiết kế tường chắn công trình thủy lợi - 2003;
- TCVN 8478-2010: Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- TCVN 8225-2009: Công trình thủy lợi. Các quy định chủ yếu về lưới khống chế cao độ địa hình;
- TCVN 8226-2009: Công trình thủy lợi. Các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ từ 1/200 đến 1/5000;
- TCVN 8217-2009: Đất xây dựng công trình thủy lợi. Phân loại;
- TCVN 9398:2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình;
- 22 TCN 259-2000: Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình;
- TCN 4195-1995 và TCN 4202-1995: Quy trình thí nghiệm đất xây dựng;
- TCVN 8869:2011: Quy trình đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất;
- TCVN 2683-1991: Phương pháp lấy, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu đất;
- TCVN 9153:2012: Đất xây dựng - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất;
- TCVN 9437:2012: Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình;
- Các tiêu chuẩn, quy phạm khác liên quan khác.

12. Tổng mức đầu tư: 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi năm tỷ đồng chẵn). Trong đó:

TT	Chi phí	Tổng mức đầu tư	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2
1	Xây dựng	29.388.030.000	20.741.610.000	8.646.420.000
2	Quản lý dự án	529.036.000	373.386.000	155.650.000
3	Tư vấn đầu tư xây dựng	2.053.675.000	1.898.468.000	155.207.000
4	Chi phí khác	2.060.780.000	1.447.985.000	612.795.000
5	Dự phòng	968.479.000	538.551.000	429.928.000
Tổng cộng		35.000.000.000	25.000.000.000	10.000.000.000

13. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương.

14. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án khu vực (Ban quản lý dự án huyện Điện Biên).

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016-2017.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, UBND huyện Điện Biên (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tiếp thu đầy đủ ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 873/BC-SNN ngày 26/5/2016 để hoàn chỉnh hồ sơ, hoàn tất các thủ tục tiếp theo; quản lý, tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Giai đoạn 2 của dự án chỉ được triển khai thực hiện sau khi được bố trí kế hoạch vốn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 14/8/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Kè khu dân cư xã Mường Phăng, huyện Điện Biên.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Điện Biên và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- L/d UBND tỉnh;
- L/d VP, CV TH;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lô Văn Tiên